

BÁO CÁO

**Sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND
ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách
đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo số 16/TB-TTHĐND ngày 17/10/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về dự kiến nội dung, thời gian kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Công tác dân tộc, nhất là các chính sách về chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong những năm qua, luôn được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm, chú trọng. Thực hiện Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; Ngày 20/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; đây là chính sách đặc thù của tỉnh, trong đó xác định rõ nội dung, mức hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Ngày 22/3/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND về triển khai thực hiện định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị liên quan có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện¹. Đây là cơ sở để các ngành, địa phương triển khai thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả một số chính sách đối với đồng

¹ Một số văn bản hướng dẫn: Công văn số 182/BDT-CS ngày 11/4/2023 của Ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND; Công văn số 699/BHXH-TST ngày 24/4/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh về việc thực hiện cấp thẻ BHYT cho người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND; Công văn số 1223/SNN-KHTH ngày 25/4/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện chính sách trợ giá sử dụng giống lúa lai vụ Hè Thu năm 2023 tỉnh theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND; Công văn số 1875/STC-QLNS ngày 13/6/2023 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn triển khai thực hiện một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND.

bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHÍNH SÁCH

1. Chính sách cấp không thu tiền muối i-ốt

Trong Quý I năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh². Trong đó:

- Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được cấp muối: **11.510 hộ**;
- Số nhân khẩu: **41.928 người**;
- Số lượng muối i-ốt: **251.568 kg**;
- Kinh phí thực hiện: **1.541.608.704 đồng**.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đấu thầu, lựa chọn đơn vị cung cấp muối i-ốt, tổ chức các điểm cấp phát muối i-ốt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Đối với các thôn, làng có vị trí xa xôi, cách trở, đường đi lại khó khăn, đơn vị cấp muối tiến hành cấp tại trụ sở thôn, nhà rông làng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả thực hiện, đến thời điểm hiện tại số lượng muối đã được cấp: **251.568 kg**, đạt **100%** kế hoạch, hoàn thành giải ngân **100%** vốn được giao.

Chính sách hỗ trợ muối i-ốt giúp nâng cao nhận thức của người đồng bào dân tộc thiểu số về việc thiếu i-ốt dẫn đến căn bệnh bướu cổ, tạo điều kiện cho người đồng bào dân tộc thiểu số có thói quen sử dụng muối i-ốt trong sinh hoạt hàng ngày. Đảm bảo chất lượng, hạn chế các loại muối kém chất lượng xâm nhập trên thị trường. Qua đó, đem lại hiệu quả tích cực trong việc phòng, chống bệnh bướu cổ cho người đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Chính sách hỗ trợ học sinh đi học

Tổng số học sinh người dân tộc thiểu số đang học trên địa bàn các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn và Phù Cát được hưởng hỗ trợ: **6.952 học sinh**; kinh phí hỗ trợ được giao **15.544.452.400 đồng**; kinh phí đã thực hiện **13.393.257.000 đồng**; cụ thể:

- Hỗ trợ học sinh mẫu giáo, mầm non người dân tộc thiểu số:
- + Số học sinh: 71 học sinh;
- + Kinh phí được giao: 40.160.000 đồng;
- + Kinh phí đã thực hiện: 25.280.000 đồng;

² Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2023.

- Hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số đang học ở các bán trú, nội trú (chưa được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của học sinh bán trú, nội trú ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn:

- + Số học sinh: 184 học sinh;
- + Kinh phí được giao: 1.202.025.000 đồng;
- + Kinh phí đã thực hiện: 1.154.655.000 đồng;

- Hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số đang học ở các trường phổ thông bình thường:

- + Số học sinh: 5.024 học sinh;
- + Kinh phí được giao: 10.475.531.000 đồng;
- + Kinh phí đã thực hiện: 8.978.565.000 đồng;
- Hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số đang học bán trú
- + Số học sinh: 1.673 học sinh;
- + Kinh phí được giao: 3.826.736.400 đồng;
- + Kinh phí đã thực hiện: 3.234.757.000 đồng;

Chính sách hỗ trợ học sinh đi học góp phần đảm bảo về điều kiện học tập, sinh hoạt cho học sinh người dân tộc thiểu số; chế độ ăn uống đáp ứng yêu cầu về dinh dưỡng; giảm bớt gánh nặng chi phí học tập; duy trì tỷ lệ học sinh đến lớp, ngăn chặn tình trạng bỏ học giữa chừng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

3. Chính sách trợ giá sử dụng giống lúa lai

Trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 5/6 huyện triển khai thực hiện chính sách trợ giá sử dụng giống lúa lai³. Tổng số hộ thụ hưởng **7.092 hộ**, với tổng diện tích **1.630,78 ha**, trong đó: kinh phí tỉnh hỗ trợ: **2.340.494.530 đồng**; kinh phí các huyện hỗ trợ: **2.308.514.380 đồng**; tổng kinh phí thực hiện: **4.649.008.910 đồng**.

Tây Sơn là địa phương duy nhất có mức trợ giá giống lúa lai sử dụng từ nguồn ngân sách huyện hỗ trợ vượt so với tỷ lệ quy định⁴, chiếm tỷ lệ **85%** tổng kinh phí thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn huyện.

Qua 01 năm triển khai thực hiện chính sách, sản lượng lúa lai vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã tăng đáng kể so với giống lúa thuần chủng trước đây, năng suất bình quân đạt **65 tạ/ha** tăng **13 tạ/ha** so với giống lúa thuần trước đây; vấn đề lương thực tại chỗ được giải quyết, góp phần ngăn chặn nạn phá rừng làm nương rẫy, từng bước thay đổi nhận thức, tập quán canh tác, giúp người đồng bào dân tộc thiểu số có cuộc sống ổn định hơn.

³ Các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Tây Sơn và Phù Cát. Riêng huyện Hoài Ân trong năm 2023 chưa thực hiện, dự kiến thực hiện trong năm 2024 với tổng kinh phí: 1.324.400.000 đồng.

⁴ Tỷ lệ quy định mức trợ giá sử dụng giống lúa lai tại Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND: ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách huyện, xã hỗ trợ 50% giá giống lúa lai.

4. Chính sách hỗ trợ người có uy tín

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có **121** người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có **70/121** người thụ hưởng chính sách hỗ trợ người có uy tín theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND; cụ thể:

- Số người có uy tín đã được hỗ trợ: 67 người (Vân Canh: 07 người, An Lão: 31 người, Hoài Ân: 11 người, Vĩnh Thạnh: 15 người, Tây Sơn: 01 người, Phù Cát: 02 người)

- Số người có uy tín chưa được hỗ trợ: 03 người (huyện Vĩnh Thạnh: xã Vĩnh Hiệp 01 người, xã Vĩnh Thịnh 02 người).

- Số người có uy tín đồng thời là già làng, Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, các chức danh khác: 51 người (Vân Canh: 21 người, An Lão: 09 người, Hoài Ân: 02 người, Vĩnh Thạnh: 13 người, Tây Sơn: 06 người, Phù Cát: 0 người).

- Kinh phí giao: **672.000.000 đồng**.

- Kinh phí thực hiện: **348.500.000 đồng**.

Chính sách hỗ trợ người có uy tín thời gian qua, đã phát huy hiệu quả vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong công tác tuyên truyền, vận động và gương mẫu thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế

Thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh, đã giúp cho các hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số nằm ngoài Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (xã đặc biệt khó khăn)⁵, được tiếp tục sử dụng bảo hiểm y tế. Trong năm 2023, đã hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho **20 người**⁶ thụ hưởng theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND, với kinh phí hơn **4 triệu đồng**.

Mặc dù còn những vướng mắc, hạn chế, nhưng phải khẳng định, việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí khám, chữa bệnh, nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cũng như chất lượng cuộc sống cho người dân. Nâng cao tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số được tham gia bảo hiểm y tế, đảm bảo công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

⁵ Trên địa bàn tỉnh có 22 xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III): Huyện An Lão có 08 xã, thị trấn: An Trung, An Hưng, An Dũng, An Vinh, An Quang, An Nghĩa, An Toàn và thị trấn An Lão; Huyện Vĩnh Thạnh có 05 xã, gồm: Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa và Vĩnh Thuận; Huyện Vân Canh có 05 xã, thị trấn: Canh Liên, Canh Thuận, Canh Hòa, Canh Hiệp và thị trấn Vân Canh; Huyện Hoài Ân có 03 xã, gồm: Đăk Mang, Bok Tới và Ân Sơn; Huyện Tây Sơn có 01 xã ĐBK là Vĩnh An.

⁶ Vân Canh: 02 người; Hoài Ân: 02 người; Tây Sơn: 04 người; Phù Cát: 12 người.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Đánh giá chung

Kết quả thực hiện một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, cùng với sự lồng ghép nhiều chương trình, chính sách khác, sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, sự quan tâm của các bộ, ngành Trung ương, sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng với sự cố gắng của cả hệ thống chính trị và sự quyết tâm, nỗ lực vươn lên thoát nghèo của đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh, nên kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số của tỉnh có bước phát triển đáng kể, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy; tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn tuyến núi ổn định, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố và giữ vững.

Các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa cũng đều có sự khởi sắc. Chính sách về cán bộ, đào tạo nghề và xuất khẩu lao động đã góp phần giải quyết được vấn đề thiếu cán bộ lãnh đạo có chuyên môn cho cấp xã, tạo việc làm cho người lao động nông thôn góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững trên địa bàn vùng dân tộc, miền núi. Nhận thức của người dân, nhất là hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số về việc vận dụng chính sách đầu tư của Đảng, Nhà nước trong việc phát triển kinh tế hộ gia đình đã có nhiều chuyển biến, tâm lý trông chờ, ỷ lại của người dân đã từng bước được thay đổi, các hủ tục, tập quán sinh hoạt, canh tác lạc hậu trong nhân dân đã dần được khắc phục, vì vậy đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện nhiều so với trước đây, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

2. Khó khăn, hạn chế

Tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh thời gian qua đã giảm đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn còn ở mức cao so với tình hình giảm nghèo chung của tỉnh. Tình trạng tái nghèo, tái cận nghèo do thiên tai, bão lũ hoặc do rủi ro trong cuộc sống (ốm đau, bệnh tật hiểm nghèo) của các hộ dân vẫn còn phát sinh nhiều; Mức thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thời gian qua đã được cải thiện và nâng cao qua từng năm, tuy nhiên vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của đời sống dân cư, tính bền vững chưa cao; chênh lệch về mức sống giữa đồng bằng và miền núi, giữa nông thôn và thành thị, nhóm dân cư người kinh - đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn chênh lệch.

Công tác kiểm tra nắm tình hình việc thực hiện các chính sách dân tộc ở cơ sở chưa sâu sát và thường xuyên, dẫn đến việc phát hiện xử lý các vấn đề phát sinh ở cơ sở còn lúng túng, bị động, chưa kịp thời. Một số địa phương chưa chủ động trong việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; chưa bám sát vào các văn bản hướng dẫn của các

sở, ngành có liên quan, dẫn đến bị động trong việc đảm bảo nguồn kinh phí triển khai thực hiện chính sách.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tỉnh; ngăn chặn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ từ các chính sách trong công tác giảm nghèo bền vững.

2. Tăng cường phối hợp tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Đẩy mạnh công tác phối hợp kiểm tra, thanh tra chuyên đề, đột xuất tại cơ sở nhằm kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách; nâng cao ý thức của người dân trong việc cùng tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách.

4. Ủy ban nhân dân các huyện chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, đảm bảo kinh phí triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hàng năm; rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các đối tượng thụ hưởng chính sách trên địa bàn huyện, tổng hợp báo về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc, Ban KT&NS - HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

[Signature]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 2

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CẤP MUỐI I-ỐT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 84/2022/QĐ-UBND TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

STT	Huyện	Số hộ DTTS	Số nhân khẩu DTTS	Số lượng muối (kg)	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
	Tổng số	11.510	41.928	251.568	1.541.608.704	
1	Huyện An Lão	3.400	12.291	73.746	451.915.488	
2	Huyện Vĩnh Thạnh	2.827	10.580	63.480	389.005.440	
3	Huyện Vân Canh	3.577	13.090	78.540	481.293.120	
4	Huyện Hoài Ân	1.148	3.957	23.742	145.490.976	
5	Huyện Tây Sơn	527	1.902	11.412	69.932.736	
6	Huyện Phù Cát	31	108	648	3.970.944	

Phụ lục 3

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÚA LAI CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 84/2022/QĐ-UBND TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

STT	Huyện	Số hộ	Tổng diện tích lúa (ha)	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
	Tổng số	7.092	1.630,78	4.649.008.910	
1	Huyện An Lão	4.285	1039,00	3.127.805.060	
2	Huyện Vĩnh Thạnh	622	92,30	211.851.450	
3	Huyện Vân Canh	1.676	400,98	1.245.042.900	
4	Huyện Hoài Ân	0	0	0	
5	Huyện Tây Sơn	486	95,00	55.332.000	
6	Huyện Phù Cát	23	3,50	8.977.500	

Phụ lục 2

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐI HỌC
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 84/2022/QĐ-UBND TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

STT	Huyện	Số học sinh người DTTS				Kinh phí đã thực hiện (đồng)	Ghi chú
		Đang học mẫu giáo	Đang học tại các trường bán trú, nội trú (chưa được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của hs bán trú, nội trú) ở các thôn, xã ĐBKK	Đang học tại các trường phổ thông bình thường	Đang học bán trú		
1	An Lão	0	0	1.312	721	4.022.455.000	
2	Vĩnh Thạnh	46	0	1.166	466	2.142.725.000	
3	Vân Canh	2	0	1.738	415	4.303.472.000	
4	Hoài Ân	11	184	451	0	2.347.915.000	
5	Tây Sơn	5	0	287	71	466.790.000	
6	Phù Cát	7	0	70	0	109.900.000	
Tổng		71	184	5.024	1.673	13.393.257.000	

Phụ lục 4

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 84/2022/QĐ-UBND TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

TT	Tên huyện	Số người có uy tín				Kinh phí (đồng)	Ghi chú
		<i>Tổng số</i>	<i>Đã được hỗ trợ</i>	<i>Chưa hỗ trợ</i>	<i>Kiểm nhiệm</i>		
		121	67	3	51	348.500.000	
1	An Lão	40	31	0	9		
2	Vĩnh Thạnh	31	15	3	13		
3	Vân Canh	28	7	0	21		
4	Hoài Ân	13	11	0	2		
5	Tây Sơn	7	1	0	6		
6	Phù cát	2	2	0	0		